| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ THUẬN AN**<br>**TỈNH BÌNH DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 08/2019/KDTM-ST
Ngày: 30-8-2019.
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá.

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Ông Cao Huy Cường .

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Thu;

2. Ông Ngũ Minh Luận.

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà:*** Ông Bùi Văn Hiền– Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 16/2019/TLST-KDTM ngày 29 tháng 5 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST-KDTM ngày 29 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2019/QĐST-KDTM ngày 14/8/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH A; địa chỉ: Lô B233 đường số 8, KCN Thái Hòa, ấp H, xã H, huyện H, tỉnh Long An. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Văn Q, sinh năm 1991; HKTT: Thôn 4, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam- là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 10/4/2019). Có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng B; địa chỉ: DC38-19, đường D11, Làng Chuyên gia The Oasis 2, KDC Việt Sing, khu phố 4, phường P, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương- Người đại diện theo pháp luật: Ông Thái Nguyên T, sinh năm 1993; nơi thường trú: Thôn T, xã T, thành phố K, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn ông Võ Văn Q trình bày:*

Ngày 18/8/2016 nguyên đơn và bị đơn có ký kết hợp đồng mua bán bê tông số 050.16.SCG-HĐKT. Các bên thỏa thuận là nguyên đơn sẽ giao bê tông cho bị đơn theo yêu cầu từng đợt đặt hàng, nơi giao theo yêu cầu của bị đơn và sau khi nhận bê tông thì bị đơn ký xác nhận khối lượng. Sau khi ký hợp đồng, nguyên đơn đã nghiêm túc thực hiện hợp đồng, cung cấp đầy đủ Bê tông theo yêu cầu của bị đơn và đã xuất

hóa đơn VAT cho toàn bộ hàng hóa đã bán, theo thỏa thuận thì bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tiền mua bê tông trong vòng 30 ngày từ ngày nhận hóa đơn nhưng bị đơn không thực hiện thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Đến ngày 17/4/2018 bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 170.000.000 đồng và có cam kết trả nợ cụ thể như sau: Ngày 30/7/2018 thanh toán 85.000.000 đồng; ngày 20/8/2018 đến 25/8/2018 thanh toán 85.000.000 đồng. Sau khi cam kết bị đơn chỉ thực hiện thanh toán bốn lần được tổng cộng 75.000.000 đồng. Nguyên đơn nhiều lần yêu cầu trả nợ tuy nhiên không nhận được sự trả lời nào từ phía bị đơn.

Tính đến ngày 25/10/2018 bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 95.000.000 đồng. Do vậy nguyên đơn đã khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ là 95.000.000 đồng cho nguyên đơn, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi.

Chứng cứ nguyên đơn giao nộp gồm: Hợp đồng mua bán bê tông số 050.16.SCG-HĐKT ngày 18/8/2016 được ký kết giữa Công ty TNHH A và Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng B; các biên bản xác nhận khối lượng bê tông; các hóa đơn giá trị gia tăng; Bảng cam kết của Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng B đề ngày 17/4/2018.

Bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng nhưng người đại diện theo pháp luật của bị đơn vẫn không đến Toà án làm việc cũng như không uỷ quyền cho ai đến tham gia tố tụng và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

*Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử như sau: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán tổng số tiền 95.000.000 đồng.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn lại theo hợp đồng mua bán hàng hoá đã ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn. Do đó quan hệ pháp luật của vụ

án là "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá" theo khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Theo nội dung của Biên bản xác minh ngày 05/6/2019 của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cung cấp thông tin Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng B có trụ sở tại DC38-19, đường D11, Làng Chuyên gia The Oasis 2, KDC Việt Sing, khu phố 4, phường P, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, do ông Thái Nguyên T là người đại diện theo pháp luật do vậy theo quy định tại Khoản 1 Điều 30, Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

[3] Về việc xét xử vắng mặt: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên toà không rõ lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền còn nợ là 95.000.000 đồng phát sinh từ việc mua bán bê tông. Theo các chứng cứ, tài liệu nguyên đơn cung cấp thì giữa nguyên đơn và bị đơn xác lập quan hệ mua bán là Hợp đồng mua bán bê tông số 050.16.SCG-HĐKT ngày 18/8/2016. Những nội dung mà các bên thoả thuận, xác lập trong hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên là cơ sở phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên. Theo nội dung Hợp đồng mua bán bê tông ngày 18/8/2016 thì thời gian thực hiện hợp đồng là từ ngày 18/8/2016 cho đến khi thanh lý hợp đồng. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xuất trình các chứng cứ về việc thanh lý công nợ giữa hai bên, các chứng từ thể hiện việc thanh toán cụ thể là các Hóa đơn giá trị gia tăng kèm theo Phiếu đề nghị xuất hóa đơn, Biên bản xác nhận khối lượng bê tông, các giấy nộp tiền bằng chuyển khoản và bằng tiền mặt của bị đơn cho nguyên đơn. Mặt khác theo bản cam kết ngày 17/4/2018 bị đơn có thừa nhận số tiền chưa thanh toán cho nguyên đơn là 170.000.000 đồng. Như vậy có căn cứ xác định ngày 17/4/2018 bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 170.000.000 đồng.

Theo nguyên đơn trình bày sau khi cam kết bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn được tổng số tiền 75.000.000 đồng nên tính đến nay bị đơn chỉ còn nợ số tiền 95.000.000 đồng. Trong suốt quá trình tố tụng bị đơn đều vắng mặt nên được xem là từ bỏ quyền trình bày, quyền đưa ra chứng cứ chứng minh, quyền yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ thu thập được có tại hồ sơ để xem xét giải quyết.

Như vậy việc bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 95.000.000 đồng nhưng không thanh toán đã gây ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn lại 95.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[5] Ý kiến Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 3 Điều 228; Điều 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Các Điều 50, 55 của Luật Thương mại năm 2005;

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH A đối với bị đơn Công ty CPTM và Xây dựng B về việc Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng B phải thanh toán cho Công ty TNHH A số tiền 95.000.000 đồng (chín mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm thanh toán thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về án phí:

Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng B phải chịu số tiền 4.750.000 đồng (bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả cho Công ty TNHH A số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0035329 ngày 28/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

.